

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672014 - Cơ lý thuyết 1

STC : 2(30,0,0,0,0,0)

Lần thi : 2

Lớp :

Năm học : 2012-2013

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Minh	Thuận	3471010323	31/03/1992	5,00	,00	1,50	
2	Lưu Đức	Toàn	3671040005	22/11/1994	4,00	3,00	3,30	
3	Vũ Nhật	Hoàng	3671040011	06/04/1994	3,00	1,00	1,60	
4	Hán Tấn	Sinh	3671040012	08/10/1991	4,00	,00	1,20	
5	Đình Công	Hậu	3671040020	18/11/1994	3,00	1,00	1,60	
6	Nguyễn Ngọc Hải	My	3671040028	03/07/1994	4,00	3,50	3,70	
7	Nguyễn Ngọc	Nam	3671040029	02/07/1994	2,00	1,00	1,30	
8	Lê Văn	Lưu	3671040033	05/07/1994	3,00	1,00	1,60	
9	Trương Nguyễn Đức	Vinh	3671040041	12/07/1993	6,00	,50	2,20	
10	Nguyễn Anh	Khang	3671040086	16/11/1994	,00	,00	,00	CT
11	Trương Hoàn	Lâm	3671040087	02/09/1994	5,00	1,00	2,20	
12	Phan Văn	Thắng	3671040103	17/09/1994	2,00	,00	,60	
13	Trần Văn	Dân	3671040118	22/07/1994	2,00	8,00	6,20	
14	Nguyễn Hồng	Dưỡng	3671040124	18/11/1994	2,00	1,00	1,30	
15	Mai Thế	Huy	3671040126	25/09/1993	2,00	8,00	6,20	
16	Nguyễn Hữu	Thường	3671040140	21/06/1993	4,00	,00	1,20	
17	Trần Quang	Trung	3671040147	01/06/1993	3,00	2,50	2,70	
18	Lê Thanh	Tú	3671040162	10/04/1993	4,00	3,50	3,70	
19	Nguyễn Trung	Kiên	3671040178	20/10/1994	4,00	,00	1,20	
20	Ngô Văn	Hai	3671040180	24/01/1994	4,00	2,50	3,00	
21	Hoàng Thiên	Quốc	3671040195	12/10/1994	4,00	,00	1,20	
22	Trần Thanh	Thịnh	3671040199	22/12/1994	,00	,00	,00	CT
23	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	3671040211	22/02/1994	3,00	,00	,90	
24	Lại Đình	Hoàng	3671040216	22/08/1994	3,00	4,00	3,70	
25	Nguyễn Văn	Đệ	3671040218	06/11/1994	3,00	4,00	3,70	
26	Trần Bùi Trung	Kiên	3671040221	25/04/1992	2,00	3,00	2,70	
27	Nguyễn Hữu	Hiền	3671040230	01/06/1994	3,00	3,00	3,00	
28	Lê Duy	Khang	3671040262	11/01/1994	2,00	1,00	1,30	
29	Vũ Ngọc	Đức	3671040274	04/03/1993	6,00	6,00	6,00	
30	Bùi Văn	Vũ	3671040278	04/06/1992	,00	,00	,00	CT
31	Trần Ngô Quốc	Khanh	3671040285	31/10/1994	,00	6,50	4,60	
32	Trần	Tiến	3671040329	23/04/1994	3,00	1,50	2,00	
33	Phạm Công	Hưng	3671040332	16/10/1993	3,00	4,00	3,70	
34	Phạm Phương	Cương	3671040336	19/10/1994	5,00	10,00	8,50	
35	Đồng Quang	Ly	3671040344	28/10/1992	2,00	,00	,60	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Huỳnh Ngọc	Tân	3671040354	26/04/1994	4,00	,50	1,60	
37	Phạm Quốc	Đạt	3671040419	27/05/1994	8,00	4,00	5,20	
38	Võ Minh	Cương	3671040422	08/07/1994	3,00	,00	,90	
39	Nguyễn Văn	Điền	3671040428	25/03/1993	4,00	2,00	2,60	
40	Võ Minh	Hiệp	3671040436	28/09/1994	5,00	2,00	2,90	
41	Nguyễn Văn	Khánh	3671040442	21/10/1993	,00	,00	,00	CT
42	Nguyễn Việt	An	3671040452	30/05/1993	3,00	1,00	1,60	
43	Nguyễn Đức	Mạnh	3671040465	15/04/1992	2,00	,50	1,00	
44	Nguyễn Tấn	Đạt	3671040471	03/08/1993	2,00	,00	,60	
45	Lê Minh	Mẫn	3671040482	16/10/1994	4,00	8,00	6,80	
46	Nguyễn Văn	Mạnh	3671040484	06/09/1994	1,00	,00	,30	
47	Trần Đức	Nhật	3671040495	25/10/1994	4,00	5,50	5,10	
48	Lương Hoàng Phước	Trân	3671040499	19/01/1993	1,00	,00	,30	
49	Trần Đình	Hiếu	3671040501	15/07/1994	2,00	3,50	3,10	
50	Phan Tuấn	Anh	3671040509	19/11/1994	5,00	,00	1,50	
51	Vũ Hải	Đặng	3671040512	19/08/1994	3,00	2,00	2,30	
52	Trần Kim	Hồ	3671040522	20/11/1993	2,00	,00	,60	
53	Nguyễn Quốc	Cường	3671040526	12/05/1994	2,00	,00	,60	
54	Nguyễn Hữu	Tùng	3671040528	10/12/1993	3,00	3,00	3,00	
55	Trần Thiên	Hoàng	3671040531	02/02/1994	4,00	,00	1,20	
56	Trần Minh	Thành	3671040542	26/08/1994	3,00	3,00	3,00	
57	Nguyễn Hoàng	Châu	3671040546	12/06/1994	3,00	1,00	1,60	
58	Phan Hiền	Nhân	3671040568	02/02/1994	2,00	,00	,60	
59	Hồ Văn	Đạt	3671040572	28/10/1994	6,00	2,00	3,20	
60	Nguyễn Xuân	Dục	3671040573	05/10/1993	2,00	3,50	3,10	
61	Phạm Minh Hồng	Đại	3671040574	05/09/1994	3,00	7,00	5,80	
62	Nguyễn	An	3671040575	24/06/1993	3,00	,00	,90	
63	Nguyễn Trần Đông	Triệu	3671040615	01/01/1994	3,00	4,50	4,10	
64	Nguyễn Đình	Chung	3671040622	02/10/1994	3,00	4,00	3,70	
65	Biển Văn	Lượng	3671040628	30/10/1994	2,00	5,50	4,50	
66	Lê Thanh	Duy	3671040637	19/10/1994	4,00	1,50	2,30	
67	Trần Tấn	Vũ	3671040647	18/08/1994	5,00	4,00	4,30	
68	Bùi Văn	Nhân	3671040680	05/06/1994	,00	,00	,00	
69	Nguyễn Đức	Tuấn	3671041205	10/07/1993	3,00	1,00	1,60	
70	Bá Anh Tuấn	Kiệt	3671041493	04/10/1991	2,00	,00	,60	
71	Nguyễn Nguyên	Vũ	3671041645	10/05/1994	4,00	,00	1,20	
72	Nguyễn Ngọc	Sang	3671041646	02/01/1993	3,00	,50	1,30	
73	Âu Tấn	Lực	3671041954	26/10/1994	,00	,00	,00	
74	Nguyễn Vương	Triều	3671041965	20/09/1994	4,00	,00	1,20	
75	Nguyễn Hữu	Cơ	3671041981	20/04/1994	3,00	1,50	2,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Nguyễn Hồ Hải	Triều	3671041982	27/06/1993	,00	,00	,00	CT
77	Lê Minh	Thành	3671041986	20/05/1994	3,00	,50	1,30	
78	Lưu Công	Nghĩa	3671041989	09/01/1994	4,00	5,50	5,10	
79	Nguyễn Thọ	Hoan	3671042003	20/12/1994	2,00	,00	,60	CT
80	Bùi Đình	Thiện	3671042010	09/09/1989	,00	,00	,00	CT
81	Huỳnh Tấn	Lâm	3671042021	02/10/1994	1,00	,00	,30	
82	Nguyễn Tuấn	Minh	3671042026	16/10/1994	,00	,00	,00	CT
83	Nguyễn Hồng	Sơn	3671042032	16/10/1992	4,00	1,00	1,90	
84	Trần Việt	Nhân	3671042051	21/06/1994	2,00	,00	,60	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)